

Bản án số: 103/2021/HS-ST

Ngày: 29-6-2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thắm;

- Ông Đỗ Minh Tùng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Oanh – *Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.*

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Bùi Long Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 88/2021/TLST – HS ngày 20 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2021/QĐXXST - HS ngày 18/6/2021, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Tấn P, sinh năm 1989 tại Đồng Tháp; hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1954 và bà Võ Thị N, sinh năm 1960, vợ Trần Diệu U, sinh năm 1992, bị cáo có 02 con lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; ngày 09/12/2020, bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị tạm giữ đến ngày 18/12/2020 thì được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt.

2. Ngô Ngọc G, sinh năm 1991 tại Tiền Giang; hộ khẩu thường trú: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn C, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1957; bị cáo có 01 con sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; ngày 09/12/2020, bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị tạm giữ đến ngày 18/12/2020 thì được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt.

3. Nguyễn Văn K, sinh năm 1992 tại Bạc Liêu; hộ khẩu thường trú: Khóm 5, phường 1, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hùng P, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1970, vợ Trần Hoàng Thảo X, sinh năm 2001, bị cáo có 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; ngày 09/12/2020, bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị tạm giữ đến ngày 18/12/2020 thì được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt.

- Bị hại: Công ty TNHH Tiệm vàng B.

Địa chỉ: Số 278A đường H, tổ 13, khu phố 1, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Trọng H, sinh năm 1974; địa chỉ: Số 278A đường H, tổ 13, khu phố 1, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Là người đại diện theo pháp luật. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Mai Hoàng V, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Tổ 2, khu phố 5, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Thu Yn, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Khu phố 1, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện P, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

4. Tiệm vàng K.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Văn T, sinh năm 1978; địa chỉ thường trú: Thôn 12, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở: Tổ 14A, khu phố 3, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Là người đại diện theo pháp luật. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Tấn P, Ngô Ngọc G, Nguyễn Văn K có mối quan hệ quen biết nhau. G và K có mối quan hệ yêu đương nam nữ.

Khoảng 11 giờ 30 phút, ngày 18/11/2020, Mai Hoàng V (sinh năm 1982, hộ khẩu thường trú: Khu phố 5, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương) điều khiển xe mô tô hiệu AirBlade, biển số 61G1 - 513.34 đến Quán cà phê P 21 thuộc Khu phố 5, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương do G làm chủ để uống cà phê. Khi đến nơi, V dựng xe mô tô biển số 61G1 - 513.34 trước chòi lá thứ hai rồi vào trong chòi lá thứ ba nằm võng, kêu cà phê ra uống. Lúc này, D (không rõ nhân thân, lai lịch) là nhân viên của quán ra ngồi nói chuyện với V

một lúc thì D và V đi ra chòi lá phía sau quán tâm sự. Trước khi đi, V lấy bóp da bỏ vào trong cốp xe mô tô biển số 61G1 - 513.34, lúc này P đang nằm võng trong chòi thứ hai nhìn thấy. Khi V vừa đi ra phía sau, P rủ G lục cốp xe mô tô biển số 61G1 - 513.34 của V tìm tài sản trộm cắp thì G đồng ý. P kêu K (chưa rõ nhân thân, lai lịch) là nhân viên của quán đi ra ngoài cổng quán cà phê cảnh giới, có người đến thì thông báo, K đồng ý và đi ra ngoài cổng đứng. Lúc này, P và G đi lại chỗ dựng xe mô tô 61G1- 513.34, P dùng tay kéo mạnh một bên hông yên xe lên, G thò tay phải vào cốp xe lục tìm lấy được 01 bóp da. G lục bóp tìm lấy được 01 giấy biên nhận cầm đồ, món hàng cầm cố là 01 nhẫn vàng 18k, trọng lượng 3,76 chỉ, người cầm tên V, cầm cố tại tiệm vàng B, địa chỉ: Khu phố 1, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương với giá 8.500.000 đồng, đưa cho P cất vào túi, P nói với G, để P đi bán số vàng trong giấy biên nhận cầm đồ, G đồng ý.

Trong lúc lục bóp của V, G làm rơi xuống đất 01 biên nhận cầm đồ khác của V (cầm 01 nhẫn vàng 24k, trọng lượng 5,0 chỉ cho tiệm vàng B) nhưng P không nhìn thấy, G không nói cho P biết và dùng chân dẫm lên. Sau khi lục bóp không có tài sản nào khác thì P dùng hai tay kéo mạnh yên xe lên để G nhét bóp vào lại cốp xe. Sau khi bỏ bóp vào cốp xe, P đi vào bên trong quán thì G lén nhặt biên nhận cầm đồ dưới chân nhét vào áo lót. Ngay sau đó, P điều khiển xe mô tô hiệu Citi màu đỏ, biển số 66P1 - 159.563 của P đến tiệm vàng B gặp bà Nguyễn Thị Thu Y (sinh năm 1980, hộ khẩu thường trú: Khu phố 1, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương) là nhân viên quản lý của tiệm, đưa biên nhận cầm đồ là 01 nhẫn vàng 18k, trọng lượng 3,76 chỉ và yêu cầu bán số vàng đã cầm cố trong giấy. Bà Y xem giấy biên nhận cầm đồ, xác nhận đúng là biên nhận của tiệm vàng B và biết V là khách thường tới tiệm vàng B cầm vàng và cũng thường nhờ người quen đến chuộc lại tài sản nên bà Y không nghi ngờ mà đồng ý mua. Bà Y tính trị giá vàng, trừ số tiền cầm cố, lãi suất rồi đưa cho P số tiền 2.630.000 đồng. Bán vàng xong, P quay lại quán cà phê Phú 21 gặp G, chia cho G số tiền 800.000 đồng, chia cho K số tiền 800.000 đồng, còn lại 1.030.000 đồng, P giữ lại tiêu xài cá nhân hết.

Trong lúc P đi bán vàng, G đi vào nhà vệ sinh lấy giấy biên nhận cầm đồ ra xem thì thấy số vàng cầm cố có giá trị lớn, nhưng V chỉ cầm 8.000.000 đồng và G nảy sinh ý định chuộc lại số vàng này rồi mang đi bán lấy tiền tiêu xài.

Đến khoảng 19 giờ cùng ngày 18/11/2020, K đến quán cà phê Phú 21 của G chơi. G nói với K, G nhặt được giấy biên nhận cầm vàng trong chòi quán và rủ K đi chuộc rồi mang đi bán lấy tiền tiêu xài. K xem giấy cầm vàng thấy tên người là V, không phải G, thì nghĩ do G chiếm đoạt được mà có, nhưng do đang không có tiền tiêu xài nên K đồng ý. Sau đó, K điều khiển xe mô tô hiệu

Yamaha Nouvo, biển số 67K1 - 101.80 mượn của anh Nguyễn Văn M, sinh năm: 1981, hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã P, huyện P, tỉnh An Giang chở G đến quán cà phê không nhớ tên gần Trung tâm hội nghị Bến Cát thuộc Khu phố 2, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Tại đây, G đưa cho K số tiền 8.000.000 đồng để đi chuộc vàng. K điều khiển xe mô tô biển số 67K1 - 101.80 đến tiệm vàng B gặp bà Y đưa biên nhận cầm vàng và yêu cầu chuộc vàng trong giấy. Chị Y xem biên nhận cầm vàng, xác nhận đúng tài sản cầm cố và biết tên người cầm cố là V, nhưng do nghĩ V nhờ người thân đi chuộc vàng nên đồng ý cho K chuộc vàng (chiếc nhẫn 5,0 chỉ vàng 24k), với số tiền 8.200.000 đồng. K lấy số tiền 200.000 đồng của mình gộp với số tiền của G, đưa cho bà Y rồi lấy vàng về đưa cho G. Sau đó, cả hai đến tiệm vàng K, địa chỉ: Khu phố 3, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương do anh Nguyễn Thanh Sơn, sinh năm 1996, hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi làm chủ bán chiếc nhẫn vàng 24k, trọng lượng 5c được 24.200.000 đồng. G mua lại cho K 01 sợi dây chuyền vàng 18k, trọng lượng 2c07p với giá 7.550.000 đồng và chuộc lại vàng mà G đã cầm cố trước đó hết 14.200.000 đồng, số tiền còn lại G và K cùng nhau tiêu xài hết.

Đến ngày 22/11/2020, V phát hiện 02 giấy biên nhận cầm đồ của mình bị mất, nên đến tiệm vàng B báo cho bà Y biết. Bà Y kiểm tra camera an ninh thì phát hiện vào lúc 12 giờ 47 phút ngày 18/11/2020, có 01 người đàn ông mặc áo sơ mi sọc ca rô đi xe mô tô màu đỏ, biển số 66P1 - 159.53 đến bán phần giá trị còn lại của số vàng đã cầm theo giấy cầm đồ số 1020093256 và lúc 19 giờ 41 phút cùng ngày, có 01 thanh niên mặc quần áo màu trắng điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Nouvo màu trắng đến để chuộc vàng theo biên nhận cầm đồ số 1120094229.

Đến ngày 08/12/2020, V phát hiện xe mô tô biển số 66P1 - 159.53 đang dựng ở quán cà phê P 21 nên đến Công an phường M trình báo.

Quá trình điều tra, Nguyễn Tấn P, Ngô Ngọc G và Nguyễn Văn K đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình, lời khai phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 14/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Bến Cát, kết luận: 01 nhẫn vàng 24k, có trọng lượng 5,0 chỉ, trị giá 26.800.000 đồng; 01 nhẫn vàng 18k, có trọng lượng 3,76 chỉ trị giá 11.994.400 đồng.

Vật chứng thu giữ:

- 01 Biên nhận cầm đồ của Tiệm vàng B, người cầm tên V, món hàng là 01 nhẫn vàng 18k 3C 760 – H1P10, số tiền cầm là 8.500.000 đồng, cầm ngày 14/10/2020.

- 01 biên nhận cầm đồ của Tiệm vàng B, người cầm tên V, món hàng là 01 nhẫn vàng 24k 5C 000 9999, số tiền cầm là 8.000.000 đồng, cầm ngày 16/11/2020.

- 01 xe mô tô hiệu Citi màu đỏ, biển số 66P1 - 159.53 do Nguyễn Tấn P đứng tên chủ sở hữu, P sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội.

- 01 xe mô tô hiệu Yamaha Nouvo, biển số 67K1 - 101.80. Qua điều tra xác định, xe mô tô hiệu Yamaha Nouvo, biển số 67K1 - 101.80 do Nguyễn Văn M đứng tên chủ sở hữu. M là bạn làm chung công ty với K. Ngày 18/11/2020, K hỏi mượn xe của M để đi công việc, sau đó điều khiển xe đến quán cà phê P 21 của G để chơi. Việc K sử dụng xe này làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội anh M không biết. Ngày 17/4/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến xử lý vật chứng, giao trả 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Nouvo, biển số 67K1 - 101.80 cho ông Nguyễn Văn M, ông M không yêu cầu giải quyết gì thêm.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 12/12/2020, ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1979, hộ khẩu thường trú: Ấp L, xã M, huyện C, Tiền Giang là anh của Ngô Ngọc G và ông Nguyễn Hùng P, sinh năm 1967, hộ khẩu thường trú: Khóm 5, Phường 1, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu là cha của Nguyễn Văn K đã lấy tiền của K và G gửi trước đó bồi thường cho ông Mai Hoàng V số tiền 22.000.000 đồng. Ông V không yêu cầu giải quyết gì thêm. Người đại diện hợp pháp của tiệm vàng B cũng không yêu cầu giải quyết gì thêm.

Tại bản Cáo trạng số 91/CT-VKS-BC ngày 18 tháng 5 năm 2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Tấn P, Ngô Ngọc G và Nguyễn Văn K về tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa;

Các bị cáo thống nhất hành vi phạm tội của các bị cáo như nội dung Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương đã truy tố.

Đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo tội danh, điều luật như Cáo trạng số 91/CT-VKS-BC ngày 18 tháng 5 năm 2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ khoản 1 Điều 174, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tấn P mức án từ 06 (sáu) đến 08 (tám) tháng tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 174, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt: Bị cáo Ngô Ngọc G mức án từ 01 (một) đến 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 174, các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn K mức án từ 10 (mười) tháng đến 01 (một) năm tù.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 12/12/2020, ông Nguyễn Văn T sinh năm 1979, hộ khẩu thường trú: Ấp L, xã M, huyện C, Tiền Giang là anh của Ngô Ngọc G và ông Nguyễn Hùng P, sinh năm 1967, hộ khẩu thường trú: Khóm 5, Phường 1, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu là cha của Nguyễn Văn K đã lấy tiền của K và G gửi trước đó bồi thường cho anh Mai Hoàng V số tiền 22.000.000 đồng. Ông V không yêu cầu giải quyết gì thêm. Người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH Tiệm vàng B cũng không yêu cầu giải quyết gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước: 01 xe mô tô hiệu Citi màu đỏ, Biển số 66P1 – 159.53 do bị cáo P đứng tên chủ sở hữu.

Đối với xe mô tô hiệu Yamaha Nouvo, biển số 67K1 - 101.80. Qua điều tra xác định, xe mô tô hiệu Yamaha Nouvo, biển số 67K1 - 101.80 do ông Nguyễn Văn M đứng tên chủ sở hữu. Ông M là bạn làm chung công ty với K. Ngày 18/11/2020, K hỏi mượn xe của M để đi công việc, sau đó điều khiển xe đến quán cà phê P 21 của G để chơi. Việc K sử dụng xe này làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội ông M không biết. Ngày 17/4/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến xử lý vật chứng, giao trả 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Nouvo, biển số 67K1 - 101.80 cho ông Nguyễn Văn M, ông M không yêu cầu giải quyết gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Phản tranh luận, các bị cáo không có ý kiến tranh luận, thống nhất với tội danh, điều luật và mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát truy tố và đề nghị.

Lời nói sau cùng các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến

Cát, tỉnh Bình Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Tấn P, Ngô Ngọc G và Nguyễn Văn K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng số 91/CT-VKS - BC ngày 18 tháng 5 năm 2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương đã truy tố. Lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra và tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 12 giờ 50 phút ngày 18/11/2020, tại tiệm vàng B thuộc khu phố 1, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương, bị cáo Nguyễn Tấn P có hành vi đưa giấy biên nhận cầm đồ của Mai Hoàng V mà P đã rủ Ngô Ngọc G lén lút lấy được của V trước đó cho bà Nguyễn Thị Thu Y là nhân viên tiệm vàng với mục đích lừa dối bị hại tin tưởng là sự thật để chuộc vàng sau đó bán số vàng đã cầm cố trong giấy là 01 nhẫn vàng 18k, trọng lượng 3,76 chỉ. Bà Y nghĩ P là người thân của anh V nhờ đến bán vàng nên sau khi trừ đi số tiền cầm cố và tiền lãi bà Y đã đưa cho P số tiền 2.630.000. Như vậy số tiền mà P và G đã chiếm đoạt là 2.630.000 (hai triệu sáu trăm ba mươi nghìn) đồng.

Khoảng 19 giờ 40 phút ngày 18/11/2020, tại tiệm vàng B, Nguyễn Văn K có hành vi đưa giấy biên nhận cầm đồ của Mai Hoàng V mà Ngô Ngọc G lén lút lấy được của anh V trước đó, đưa cho K và rủ K đi chuộc đưa cho bà Nguyễn Thị Thu Y là nhân viên tiệm vàng với mục đích lừa dối bị hại tin tưởng là sự thật để chuộc vàng đã cầm cố trong giấy là 01 nhẫn vàng 24k, trọng lượng 5,0 chỉ. Bà Y nghĩ K là người thân của ông V nhờ đến để chuộc vàng nên đã đồng ý cho K chuộc vàng với số tiền 8.200.000 đồng. Như vậy, số tiền mà G và K đã chiếm đoạt là 18.600.000 (mười tám triệu sáu trăm nghìn) đồng.

Hành vi trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Như vậy Bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Tấn P, Ngô Ngọc G và Nguyễn Văn K về tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, phù hợp hoàn toàn với hành vi thực tế mà các bị cáo đã gây ra.

[3] Về tính chất, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về tính chất: Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của các bị cáo không chỉ đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự tại địa phương. Các bị cáo có sức khỏe tốt nhưng không dùng sức khỏe của mình để lao động nuôi bản thân mà vì lòng tham, muốn có tiền nhanh chóng để tiêu xài đã bất chấp pháp luật thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần phải xét xử các bị cáo thật nghiêm minh để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình; bị cáo P, K và G có hoàn cảnh gia đình khó khăn; bị cáo G và K đã bồi thường thiệt hại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; bị cáo P và K phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo P và K không có tình tiết tăng nặng. Đối với bị cáo G bị cáo đã 02 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị hại nên bị cáo G phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Về hành vi đồng phạm: Các bị cáo phạm tội có tính chất đồng phạm, giản đơn, các bị cáo P, G và K là người trực tiếp tham gia vào việc thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy Hội đồng xét xử xác định hành vi phạm tội của các bị cáo là ngang nhau.

[5] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

[5.1] Về trách nhiệm dân sự: Ngày 12/12/2020, ông Nguyễn Văn T sinh năm 1979, hộ khẩu thường trú: Ấp L, xã M, huyện C, Tiền Giang là anh của Ngô Ngọc G và ông Nguyễn Hùng P1, sinh năm 1967, hộ khẩu thường trú: Khóm 5, Phường 1, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu là cha của Nguyễn Văn K đã lấy tiền của K và G gửi trước đó bồi thường cho anh Mai Hoàng V số tiền 22.000.000 đồng. Ông V có đơn xin giảm nhẹ hình phạt đối với Pát, Gàu, K và không yêu cầu giải quyết gì thêm. Người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH Tiệm vàng B cũng không yêu cầu giải quyết gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5.2] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước: 01 xe mô

tô hiệu Citi màu đỏ, Biển số 66P1 – 159.53, số máy CT1000E155005, không kiểm tra được số khung, xe do bị cáo P đứng tên chủ sở hữu mà bị cáo P sử dụng làm phương tiện phạm tội.

Đối với xe mô tô hiệu Yamaha Nouvo, biển số 67K1 - 101.80. Qua điều tra xác định, xe mô tô hiệu Yamaha Nouvo, biển số 67K1 - 101.80 do ông Nguyễn Văn M đứng tên chủ sở hữu. Ông M là bạn làm chung công ty với K. Ngày 18/11/2020, K hỏi mượn xe của ông M để đi công việc, sau đó điều khiển xe đến quán cà phê Phú 21 của G để chơi. Việc K sử dụng xe này làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội ông M không biết. Ngày 17/4/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến xư lý vật chứng, giao trả 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Nouvo, biển số 67K1 - 101.80 cho ông Nguyễn Văn M, ông M không yêu cầu giải quyết gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/6/2021 giữa Công an thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương với Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương).

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về tội danh, điều luật và mức hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Đối với đối tượng tên K chưa rõ nhân thân, lai lịch đã có hành vi cảnh giới cho bị cáo P và G lấy trộm giấy cầm đồ của anh Mai Hoàng V và được P chia cho số tiền 800.000 đồng, hiện Cơ quan điều tra đang tiếp tục điều tra làm rõ khi nào xác định được sẽ xử lý sau.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

Bị cáo Nguyễn Tấn P, Ngô Ngọc g và Nguyễn Văn K phạm tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn P 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án và được khấu trừ vào thời gian bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 09/12/2020 đến ngày 18/12/2020.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Ngô Ngọc G 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án và được khấu trừ vào thời gian bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 09/12/2020 đến ngày 18/12/2020

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án và được khấu trừ vào thời gian bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 09/12/2020 đến ngày 18/12/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

2.1 Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

2.2 Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước: 01 xe mô tô hiệu Citi màu đỏ, Biển số 66P1 – 159.53, số máy CT100E1550005, không kiểm tra được số khung.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/6/2021 giữa Công an thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương với Chi cục Thi hành án thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương).

3. Về án phí: Căn cứ các Điều 135; 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Tấn P, Ngô Ngọc G và Nguyễn Văn K mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Công an thị xã Bến Cát;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

- Lưu: Hồ sơ, VT.

Hồ Thị Hoa